

ỦY BAN NHÀ NƯỚC VỀ
HỢP TÁC VÀ ĐẦU TƯ
Số: 1126-HTĐT/PC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 1992

THÔNG TƯ
CỦA ỦY BAN NHÀ NƯỚC

Về hợp tác và đầu tư hướng dẫn thi hành quy chế khu chế xuất

Thực hiện Điều 67 Quy chế Khu chế xuất tại Việt Nam (gọi tắt là Quy chế Khu chế xuất) ban hành kèm theo Nghị định số 322/HĐBT ngày 18-10-1991 của Hội đồng Bộ trưởng, sau khi có ý kiến của các Bộ hữu quan, Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và đầu tư ban hành thông tư này nhằm hướng dẫn thi hành Quy chế Khu chế xuất.

PHẦN I

ĐIỀU KIỆN VÀ THỦ TỤC THÀNH LẬP KHU CHẾ XUẤT

I. ĐẶC ĐIỂM KHU CHẾ XUẤT

Khu chế xuất là khu công nghiệp tập trung sản xuất hàng xuất khẩu và thực hiện các dịch vụ liên quan đến sản xuất và xuất khẩu.

Khu chế xuất là khu khép kín, có ranh giới địa lý được xác định trong Quyết định thành lập Khu chế xuất, nhưng biệt lập với các vùng lãnh thổ ngoài Khu chế xuất bằng hệ thống tường rào.

Khu chế xuất được hưởng một quy chế quản lý riêng quy định tại Quy chế Khu chế xuất và được cụ thể hoá trong Thông tư này.

II. MỤC TIÊU CỦA KHU CHẾ XUẤT

- Thu hút vốn đầu tư của nước ngoài.
- Tạo việc làm cho người lao động.

3. Tạo nguồn hàng xuất khẩu có sức cạnh tranh trên thị trường thế giới, góp phần hoà nhập nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới.
4. Du nhập kỹ thuật và công nghệ mới, kiến thức quản lý hiện đại.
5. Tăng nguồn thu ngoại tệ, góp phần cải thiện cán cân ngoại thương và thanh toán quốc tế.

III. ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP KHU CHẾ XUẤT

1. Có vị trí thuận lợi cho sản xuất hàng xuất khẩu: gần cảng, sân bay, các đường giao thông v.v...
2. Có điều kiện xây dựng hạ tầng cơ sở Khu chế xuất bằng nguồn vốn trong nước hoặc nguồn vốn nước ngoài, hoặc bằng cả hai nguồn vốn trong nước và nước ngoài.
3. Có điều kiện cung cấp lao động và dịch vụ cần thiết cho hoạt động của Khu chế xuất và cho các nhà đầu tư nước ngoài.
4. Có khả năng thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Khu chế xuất.
5. Bảo đảm an ninh quốc phòng.

IV. THỦ TỤC THÀNH LẬP KHU CHẾ XUẤT

1. Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và đầu tư phối hợp với các Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là địa phương) nghiên cứu xây dựng quy hoạch tổng thể các Khu chế xuất trong cả nước trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định.
2. Khi chưa có quy hoạch tổng thể, Ủy ban nhân dân địa phương có thể chủ động đề nghị Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định thành lập Khu chế xuất, sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và đầu tư và các Bộ hữu quan.
3. Hồ sơ đề nghị thành lập Khu chế xuất gồm:
 - a. Kiến nghị của Ủy ban nhân dân địa phương, các Bộ hữu quan;
 - b. Bản đồ Khu chế xuất;
 - c. Giải trình kinh tế - kỹ thuật nêu rõ tính khả thi và hiệu quả kinh tế - xã hội của Khu chế xuất;
 - d. Phương án xây dựng hạ tầng cơ sở: nếu hạ tầng cơ sở được xây dựng bằng nguồn vốn trong nước thì phải có sự thoả thuận của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Tài chính. Trong trường

hợp tác với bên nước ngoài để xây dựng hạ tầng cơ sở thì phải xác định đối tác và phương thức hợp tác, phải được Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và đầu tư cấp giấy phép đầu tư.

4. Sau khi có quyết định thành lập Khu chế xuất, căn cứ vào kiến nghị của các Bộ có liên quan và Ủy ban nhân dân địa phương có Khu chế xuất, Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và đầu tư trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng bổ nhiệm các thành viên ban quản lý Khu chế xuất. Trường hợp được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ủy quyền. Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và đầu tư bổ nhiệm các thành viên Ban quản lý Khu chế xuất.

5. Ban quản lý Khu chế xuất có trách nhiệm xây dựng quy hoạch phát triển Khu chế xuất và xây dựng Điều lệ Khu chế xuất.

6. Sau khi nhận được các văn bản nói trên, Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và đầu tư xem xét, chuẩn y Điều lệ Khu chế xuất.

V. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐIỀU LỆ KHU CHẾ XUẤT

- a. Đặc điểm Khu chế xuất (địa điểm, diện tích, ranh giới địa lý, văn bản thành lập...).
- b. Nội dung hoạt động của Khu chế xuất từ xây dựng đến tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.
- c. Nội quy Khu chế xuất: nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ làm việc của Ban quản lý Khu chế xuất, quan hệ công tác giữa Ban quản lý Khu chế xuất với các tổ chức liên quan.

VI. CHỦ THỂ ĐẦU TƯ TRONG KHU CHẾ XUẤT

Được đầu tư vào khu chế xuất gồm:

- a. Các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài;
- b. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài;
- c. Các tổ chức kinh tế Việt Nam có tư cách pháp nhân thuộc các thành phần kinh tế.

Điều kiện cơ bản là phải có vốn, công nghệ, thị trường phù hợp với loại hình sản xuất, kinh doanh.

PHẦN II

THỦ TỤC ĐẦU TƯ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

VÀ CẤP GIẤY PHÉP

I. THỦ TỤC XIN ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư phải làm đơn xin phép kinh doanh tại Khu chế xuất, Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và đầu tư ban hành mẫu đơn và các hồ sơ có liên quan để hướng dẫn các nhà đầu tư.

Đối với các tổ chức Việt Nam, ngoài các văn bản nói trên, còn phải có giấy xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về tư cách và năng lực kinh doanh của tổ chức đó liên quan đến đầu tư vào Khu chế xuất. Cơ quan có thẩm quyền xác nhận nói tại điểm này là:

- Đối với xí nghiệp quốc doanh là Bộ hoặc Ủy ban nhân dân địa phương.
- Đối với các tổ chức ngoài quốc doanh là Ủy ban nhân dân địa phương.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ít nhất phải có một bên là xí nghiệp đã được thành lập trong Khu chế xuất và phải có những điều khoản quy định tại Điều 13 Nghị định số 28-HĐBT ngày 6-2-1991 ⁽¹⁾.

(1) Điều 13 Nghị định 28-HĐBT ngày 6-2-1991 nay thay bằng Điều 10 Nghị định 18-CP ngày 16-4-1993 (BT).

2. Ở những Khu chế xuất mà hạ tầng cơ sở do Công ty liên doanh xây dựng, thì hồ sơ dự án đầu tư phải kèm theo ý kiến của Công ty này về cho thuê nhà xưởng mặt bằng Khu chế xuất...

II. THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Phân cấp thẩm định dự án:

Ban Quản lý Khu chế xuất được Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và đầu tư uỷ quyền thẩm định và quyết định cấp Giấy phép kinh doanh cho các dự án thuộc nhóm C trong Quyết định 336-HĐBT ngày 7-11-1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Đối với các dự án khác, Ban quản lý Khu chế xuất trình Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và đầu tư theo quy định chung về thẩm định dự án đầu tư nước ngoài.

2. Nội dung thẩm định dự án:

a. Tư cách pháp nhân của tổ chức xin phép đầu tư hoặc tư cách pháp lý của cá nhân người xin đầu tư.

b. Sự phù hợp với chính sách kinh tế và pháp luật Việt Nam, với quy chế Khu chế xuất, với chính sách bảo hộ và sử dụng tài nguyên, chính sách bảo vệ môi trường, môi sinh, kỹ thuật và công nghệ v.v...

c. Tính khả thi của dự án, năng lực tài chính của nhà đầu tư, khả năng tiêu thụ sản phẩm.

Trong trường hợp Hội đồng thẩm định Khu chế xuất có những ý kiến khác nhau, ý kiến của trưởng Ban quản lý Khu chế xuất là quyết định. Nếu Trưởng Ban quản lý Khu chế xuất chưa đủ cơ sở quyết định thì báo cáo Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và đầu tư để quyết định.

3. Thời hạn

Chậm nhất là 3 (ba) tháng kể từ ngày nhận được đơn và hồ sơ xin kinh doanh, Ban quản lý Khu chế xuất phải thông báo cho đương sự quyết định của mình (chấp nhận hay không chấp nhận đơn xin kinh doanh).

Trong trường hợp Ban quản lý Khu chế xuất yêu cầu nhà đầu tư cung cấp thêm tài liệu hoặc sửa đổi Điều lệ xí nghiệp hoặc /và hợp đồng liên doanh, Ban quản lý Khu chế xuất phải gửi yêu cầu cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn và hồ sơ của nhà đầu tư.

Sau 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Ban quản lý Khu chế xuất, nếu nhà đầu tư không trả lời Ban quản lý Khu chế xuất thì đơn xin kinh doanh không còn giá trị.

(Thời gian cần thiết cho việc đáp ứng các yêu cầu của Ban quản lý Khu chế xuất không tính vào thời hạn 3 tháng nói trên).

III. THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH VÀ ĐĂNG KÝ ĐIỀU LỆ XÍ NGHIỆP KHU CHẾ XUẤT

1. Ban quản lý Khu chế xuất được Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và đầu tư cấp Giấy phép kinh doanh và chứng nhận đăng ký Điều lệ xí nghiệp Khu chế xuất, trừ những trường hợp sau:

- Giấy phép đầu tư cấp cho Công ty liên doanh xây dựng và kinh doanh các công trình hạ tầng của Khu chế xuất (do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và đầu tư cấp).
- Giấy phép kinh doanh trong Khu chế xuất đối với các tổ chức Ngân hàng.